

Bản án số: 45/2022/HS-PT

Ngày 29 - 8 -2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn và ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Trần Hữu C, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2022/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu C** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/5/1980, tại huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hữu N, (đã chết) và bà Bùi Thị M, sinh năm 1943. Vợ: Lưu Thị C, sinh năm 1985. Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có Công ty TNHH Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2021, Trần Hữu C, sinh năm 1980, trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc là nhân viên bốc, xếp hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, địa chỉ: Khu C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Tháng 9/2021, Công ty

trách nhiệm hữu hạn Đ có nhu cầu tuyển lái xe ô tô tải, thời điểm đó C không có giấy phép lái xe nên đến khoảng tháng 10/2021, C vào tài khoản mạng xã hội Facebook thấy một trang tin làm giấy phép lái xe giả. C nhắn tin đến trang tin này đặt mua 01 giấy phép lái xe hạng C với giá 7.600.000 đồng. Sau đó cung cấp thông tin cá nhân và chụp ảnh CMND gửi cho trang tin này. Khoảng 10 ngày sau, có 01 thanh niên C không biết tên, tuổi, địa chỉ, nhận là nhân viên giao hàng đến giao cho C 01 giấy phép lái xe giả số: 260218015334, hạng C, cấp ngày 13/9/2021; 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe số 1405/GKSKLX của Bệnh viện GTVT TW - Cục y tế GTVT, để trống ngày cấp; 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe để trống ngày cấp; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô đề ngày 13/9/2021; 01 chứng chỉ sơ cấp của Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải cùng mang tên Trần Hữu C, C đưa cho người giao hàng 7.600.000 đồng. Sau đó, C điền “ngày 16 tháng 10 năm 2020” vào giấy khám sức khỏe của người lái xe và “ngày 16 tháng 10 năm 2020” vào đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe. Sau đó Trần Hữu C đã sử dụng giấy tờ giả và giấy phép lái xe ô tô giả 02 lần thực hiện hành vi trái pháp luật, như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 11 năm 2021 (không xác định ngày cụ thể), C đưa toàn bộ các giấy tờ trên cho ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971, trú tại thôn L, thị trấn H, huyện B là đội trưởng đội quản lý xe của công ty. Sau khi kiểm tra, ông B đưa lại cho C 01 giấy phép lái xe hạng C, giấy tờ còn lại ông Bình giao cho bà Hoàng Thị NA, sinh năm 1981, trú tại số nhà 62, tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc là kế toán trưởng của công ty quản lý. Ngày 27/11/2021, do không biết C sử dụng giấy tờ và giấy phép lái xe giả, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ ký hợp đồng lao động với C.

Lần thứ hai: Ngày 13/12/2021, C sử dụng giấy phép lái xe số 260218015334, hạng C, cấp ngày 13/9/2021 mang tên Trần Hữu C, điều khiển xe ô tô BKS: 88C-128.63 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, đi cùng có ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là nhân viên bốc, xếp hàng đi giao hàng tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng 14 giờ 10 phút, cùng ngày C điều khiển xe ô tô theo hướng Hà Nội - Hà Giang đến Trạm Cảnh sát giao thông H, Km 163+900 Quốc lộ 2 thuộc thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, tổ công tác Trạm Cảnh sát giao thông H dừng xe ô tô do C điều khiển để kiểm soát. Quá trình kiểm tra C xuất trình 01 giấy phép lái xe giả nêu trên. Tổ công tác nghi Giấy phép lái xe C cung cấp không do cơ quan có thẩm quyền cấp. Quá trình làm việc C tự khai nhận Giấy phép lái xe trên là giả, C mua trên mạng xã hội Facebook. Trạm Cảnh sát giao thông H đã chuyển tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 46/GĐ-KTHS, ngày 27/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

“GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER’S LICENSE” số 260218015334, hạng C mang tên Trần Hữu C, ngày sinh 15/5/1980; Nơi cư trú: Xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; ghi ngày cấp 13/9/2021 là giả.

Tại Kết luận giám định số 365/GĐ-KTHS, ngày 23/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

1. Các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A3, A4 là giả.

2. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ số tại mục “ngày 16 tháng 10 năm 2020”); chữ viết, chữ ký ghi tên Trần Hữu C trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (trừ chữ số tại mục “ngày 16 tháng 10 năm 2020”); chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Hữu C trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người viết và ký.

Chữ số tại mục “ngày 16 tháng 10 năm 2020” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ viết, chữ số đứng tên Trần Hữu C trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu C, phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Đến ngày 29 tháng 6 năm 2022, bị cáo Trần Hữu C có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hữu C giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là đúng người, đúng tội, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình tình tiết mới: Đơn xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương đề nghị cho bị cáo hưởng án treo; 01 Biên lai thu tiền số 0001950 ngày 29/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang, thể hiện bị cáo đã nộp xong 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo thấy, bị cáo phạm tội 02 lần nhưng các lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hơn nữa trong vụ án này số lần phạm tội đã được xác định làm yếu tố định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối chiếu với Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP

ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, thấy bị cáo khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, nên không nhất thiết cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu C, sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, về hình phạt như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Hữu C **02** (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Thử thách 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 29/8/2022).

Giao bị cáo Trần Hữu C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Ghi nhận bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận.

Khi được Hội đồng xét xử cho phép nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Hữu C tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Do vậy, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng cuối tháng 11 năm 2021, bị cáo C sử dụng nhiều giấy tờ giả gồm: 01 giấy phép lái xe giả số: 260218015334, hạng C, cấp ngày 13/9/2021; 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe số 1405/GKSKLX của Bệnh viện GTVT TW - Cục y tế GTVT, cấp ngày 16/10/2020; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô đề

ngày 13/9/2021; 01 chứng chỉ sơ cấp của Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Cao đẳng giao thông vận tải nộp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ để được làm nhân viên lái xe.

Ngày 13/12/2021, bị cáo C sử dụng Giấy phép lái xe giả số 260218015334 hạng C mang tên Trần Hữu C, điều khiển xe ô tô BKS : 88C-128.63 tham gia giao thông đường bộ. Khi đến Trạm Cảnh sát giao thông H Km 163+900 Quốc lộ 2, thuộc thôn A, xã T, huyện H thì bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín cũng như hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, gây khó khăn cho công tác quản lý tài liệu của các cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự an toàn giao thông và bất bình trong nhân dân. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội để xử phạt bị cáo Trần Hữu C 02 (hai) năm tù, về tội Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi bị xét xử lần này bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có mẹ già yếu. Xét thấy, bị cáo phạm tội hai lần trở lên, nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu mới: Đơn xin được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Biên lai thu tiền án phí số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), ngày 29/8/2022 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối chiếu với Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, xét thấy bị cáo khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết cách ly bị cáo với xã hội mà xử bị cáo mức án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Ghi nhận bị cáo đã nộp xong số tiền án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0001950 ngày 29/8/2022 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

[4]. Về án phí: Bị cáo Trần Hữu C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu C, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu C **02** (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Thử thách 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 29/8/2022).

Giao bị cáo Trần Hữu C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận bị cáo đã nộp xong số tiền án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), tại biên lai thu tiền số 0001950 ngày 29/8/2022 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo Trần Hữu C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/8/2022)/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- CQCSĐT Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Nam